

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
XÃ ĐA QUYN, HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Năm 2025

MỤC LỤC



I. Căn cứ pháp lý, mục đích, yêu cầu của việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.....	1
1. Căn cứ pháp lý.....	1
2. Mục đích, yêu cầu của việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	2
II. Khái quát điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội.....	2
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	2
2. Thực trạng kinh tế xã hội	3
III. Thời điểm xây dựng và hoàn thành việc lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	3
IV. Nguồn tài liệu và phương pháp, công nghệ thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.....	3
1. Nguồn tài liệu	3
2. Phương pháp, công nghệ thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	4
2.1. Cơ sở toán học của bản đồ hiện trạng sử dụng đất	4
2.2. Nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất	5
2.3. Tổng hợp, khái quát hóa từ bản đồ kiểm kê đất đai.....	6
2.4. Xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất.....	7
V. Xác định khu vực đã đo đạc bản đồ địa chính chính quy	8
1. Khu vực đã đo đạc chính quy.....	8
2. Phạm vi.....	8
Toàn bộ diện tích đất khu dân cư và đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã được đo đạc thành lập các bản đồ địa và được cập nhật, chỉnh lý thường xuyên.	8
VI. Đánh giá chất lượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	8
1. Khối lượng công việc thực hiện.....	8
2. Đánh giá chất lượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 về mức độ đầy đủ, chi tiết và độ chính xác của các yếu tố nội dung	13
VII. Những tồn tại, hạn chế của bản đồ hiện trạng sử dụng đất.....	13
VIII. Kết luận và kiến nghị biện pháp khắc phục hạn chế, tồn tại	13

1. Kết luận	13
2. Kiến nghị biện pháp khắc phục hạn chế, tồn tại	14

Số: 158/BC-UBND

Đa Quyn, ngày 16 tháng 6 năm 2025

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

I. Căn cứ pháp lý, mục đích, yêu cầu của việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

- Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai năm 2024;

- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 09/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”;

- Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Căn cứ Thực hiện Kế hoạch số 7821/KH-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Văn bản số 3359/STNMT-VP ngày 17/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) v/v thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong đó giao nhiệm vụ cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng thực hiện công tác kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn các huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Di Linh, Đam Rông, Đức Trọng và thành phố Đà Lạt;

Văn bản số 619/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 24/01/2025 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường v/v thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024.

Văn bản số 2168/BNMT-QLĐĐ ngày 19/05/2025 v/v thực hiện Kiểm kê đất đai năm 2024.

2. Mục đích, yêu cầu của việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024

a. Mục đích

- Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 Xã Đa Quyn thể hiện được sự phân bố các loại đất theo quy định về chỉ tiêu kiểm kê đất đai, theo mục đích sử dụng đất đai tại thời điểm kiểm kê đất đai và được lập theo đơn vị hành chính. Mục đích để minh họa kết quả kiểm kê đất đai tại thời điểm tiến hành kiểm kê đất đai.

- Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất tạo điều kiện cho các cơ quan Nhà nước quản lý sử dụng đất đai có hiệu quả, đồng thời làm cơ sở cho việc phân tích đánh giá lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các thời kỳ tiếp theo của địa phương.

- Xây dựng tài liệu cơ bản phục vụ cho công tác quản lý đất đai trong toàn Xã Đa Quyn và huyện Đức Trọng, nắm bắt được quỹ đất tại thời điểm kiểm kê, làm tài liệu cơ bản, thống nhất phục vụ công tác lập quy hoạch sử dụng đất, kiểm tra thực hiện quy hoạch, kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt, đồng thời là tài liệu cho các ngành khai thác sử dụng để xây dựng quy hoạch, kế hoạch và định hướng phát triển của ngành mình. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 là tài liệu cơ bản và thống nhất trong toàn huyện, làm cơ sở cho các đợt chỉnh lý và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho các kỳ thống kê, kiểm kê và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau này.

b. Yêu cầu

Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 Xã Đa Quyn phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

II. Khái quát điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội

1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Xã Đa Quyn là một xã ở phía nam huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng.

- Phía bắc giáp với huyện Đơn Dương.
- Phía đông giáp với tỉnh Bình Thuận.
- Phía tây giáp với xã Tà Năng.

- Phía nam giáp với tỉnh Bình Thuận.

Có mật độ dân số thấp nhất trong Huyện và thấp hơn nhiều so với mật độ dân số toàn Huyện (182 người/km²).

Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật mới của Đảng và Nhà nước đã có tác động tích cực trong việc phát huy các động lực, nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Do đặc điểm tự nhiên và tập quán nên bà con dân tộc thiểu số ở rải rác theo các thôn bản, người Kinh định cư dọc theo trục lộ giao thông.

2. Thực trạng kinh tế xã hội

Xã Đa Quyn là xã vùng sâu, vùng xa của huyện Đức Trọng, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp với các loại cây trồng chính như cà phê, bơ và cây công nghiệp ngắn ngày. Hạ tầng kỹ thuật từng bước được đầu tư nhưng còn hạn chế. Đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập bình quân thấp. Công tác giáo dục, y tế và an sinh xã hội được chú trọng nhưng vẫn cần nhiều hỗ trợ. An ninh trật tự cơ bản ổn định, công tác quốc phòng – an ninh được duy trì thường xuyên.

III. Thời điểm xây dựng và hoàn thành việc lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

1. Thời điểm xây dựng: từ 01/08/2024

2. Thời điểm hoàn thành cấp xã theo quy định: theo Văn bản số 2168/BNMT-QLĐĐ ngày 19/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thời gian hoàn thành kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã hoàn thành trước ngày 15/6/2025.

IV. Nguồn tài liệu và phương pháp, công nghệ thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

1. Nguồn tài liệu

- Bản đồ địa giới hành chính các cấp: Tỉnh, huyện, xã có đầy đủ theo bộ hồ sơ 513 (513/2012/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ)

- Tài liệu bản đồ địa chính chính quy đã được cập nhật chỉnh lý hàng năm của Xã Đa Quyn;

- Hồ sơ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 Xã Đa Quyn;

- Bản đồ khoanh đất năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu 2025 huyện Đức Trọng;
- Bản đồ hiện trạng rừng năm 2023 của ngành lâm nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cung cấp;
- Bản đồ, hồ sơ xin thuê đất của các đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt nằm trên địa bàn Xã Đa Quyn;
- Các quyết định thu hồi đất, quyết định giao đất thuê đất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) của các đơn vị nằm trên địa bàn Xã Đa Quyn;
- Hồ sơ, bản đồ đối với các trường hợp đăng ký lần đầu, đăng ký biến động về đất đai trong kỳ kiểm kê trên địa bàn Xã Đa Quyn.
- Biểu kiểm kê đất đai năm 2019; biểu thống kê đất đai, các loại sổ sách, ... nằm trong hồ sơ địa chính của Xã Đa Quyn trong các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024;
- Bản đồ phân định ranh giới đất quân sự, dân dụng giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Giao thông vận tải tại sân bay Liên Khương.

Toàn bộ số liệu trên có kiểm tra đối soát với thực địa, đảm bảo tốt cho việc kiểm kê đất đai lần này, đảm bảo độ chính xác, phản ánh đúng thực tế sử dụng đất tại địa phương.

2. Phương pháp, công nghệ thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất

2.1. Cơ sở toán học của bản đồ hiện trạng sử dụng đất

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Xã Đa Quyn được trong hệ tọa độ quốc gia VN-2000, sử dụng lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc với múi chiếu 3⁰ có hệ số điều chỉnh tỷ lệ biến dạng chiều dài $k_0 = 0,9999$. Kinh tuyến trục 107°45'.
- Khung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Xã Đa Quyn được biên tập theo tỷ lệ 1:10.000 (với tổng diện tích tự nhiên của xã là: 17002.364309 ha), biểu thị lưới kilômét, với kích thước ô vuông lưới kilômét là 10cm x 10cm;
- Thông số của tệp tin chuẩn bản đồ hiện trạng sử dụng đất (seed file) gồm: Đơn vị đo (Working Units); đơn vị làm việc chính (Master Units) là mét (m); đơn vị làm việc phụ (Sub Units) là mi li mét (mm); độ phân giải (Resolution) là 1.000; tọa độ điểm trung tâm làm việc (Storage Center Point/Global Origin) là X: 500.000 m, Y: 1.000.000 m.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất dạng số hoàn thành:
- + Tập tin bản đồ phải ở dạng mở, cho phép chỉnh sửa, cập nhật thông tin khi cần thiết và có khả năng chuyển đổi khuôn dạng fonts chữ, số tiếng Việt theo bảng mã Unicode TCVN 6909:2001.
- + Thống nhất sử dụng bộ thư viện các ký hiệu độc lập và các ký hiệu hình tuyến đã được thiết kế sẵn.
- + Các đối tượng dạng đường (là một trong các dạng LineString, Chain, Complex Chain hoặc Polyline, ... theo phần mềm biên tập) phải thể hiện liên tục, không đứt đoạn và chỉ được dừng tại các điểm nút giao nhau giữa các đường thể hiện các đối tượng cùng kiểu.
- + Những đối tượng dạng vùng (polygon) phải được vẽ ở dạng pattern, shape, complex shape hoặc fill color. Những đối tượng dạng vùng phải là các vùng khép kín.
- + Các đối tượng trên bản đồ hiện trạng phải thể hiện đúng lớp và các thông số kèm theo như quy định tại bảng phân lớp đối tượng của Phụ lục số V theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT. Khoanh đất tổng hợp của bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã được thể hiện bằng ranh giới và ký hiệu loại đất (gồm mã và màu loại đất) theo các chỉ tiêu kiểm kê đất đai.
- + Tập tin bản đồ kiểm kê đất đai ở định dạng *.dgn của phần mềm Microstation, kèm theo tập tin nguồn ký hiệu và lý lịch bản đồ; tập tin phải ở dạng mở, cho phép chỉnh sửa, cập nhật thông tin khi cần thiết và có khả năng chuyển đổi khuôn dạng; fonts chữ, số tiếng Việt, bảng mã Unicode; thư viện các ký hiệu độc lập được tạo sẵn trong thư viện “HT” cho các dãy tỷ lệ có tên tương ứng là ht1-5.cell, ht10-25.cell, ht50-100.cell, ht250-1tr.cell,...; thư viện các ký hiệu hình tuyến theo dãy tỷ lệ có tên tương ứng là ht1-5.rsc, ht10-25.rsc, ht50-100.rsc, ht250-1tr.rsc...; bảng màu có tên là ht.tbl.

2.2. Nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất

- Nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan.
- Nhóm lớp hiện trạng sử dụng đất.
- Các nhóm lớp thuộc dữ liệu nền địa lý:

- + Nhóm lớp biên giới, địa giới.
- + Nhóm lớp địa hình.
- + Nhóm lớp thủy hệ và các đối tượng có liên quan.
- + Nhóm lớp giao thông và các đối tượng có liên quan.
- + Nhóm lớp đối tượng kinh tế, xã hội.
- Các ghi chú, thuyết minh.

Hình thức thể hiện nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Phụ lục số V ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT.

2.3. Tổng hợp, khái quát hóa từ bản đồ kiểm kê đất đai

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của Xã Đa Quyn được thành lập trên cơ sở biên tập, tổng hợp, khái quát hóa nội dung của bản đồ kiểm kê đất đai. Các bước công việc được thực hiện như sau:

- Khoanh đất tổng hợp của bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã được thể hiện bằng ranh giới và ký hiệu loại đất (gồm mã và màu loại đất) theo các chỉ tiêu kiểm kê đất đai.

- Ký hiệu loại đất gồm mã và màu loại đất.

- Các khoanh đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp phải bảo đảm ranh giới khép kín, không có phần diện tích chồng, hở giữa các khoanh đất. Ranh giới khoanh đất phải được khái quát hóa tương ứng theo tỷ lệ bản đồ như sau:

- + Từ 1:1.000 đến 1:10.000 có diện tích $\geq 16 \text{ mm}^2$.
- + Từ 1:25.000 đến 1:100.000 có diện tích $\geq 9 \text{ mm}^2$.
- + Từ 1:250.000 đến 1:1.000.000 có diện tích $\geq 4 \text{ mm}^2$.

Trường hợp khoanh đất có diện tích nhỏ hơn theo quy định nêu trên thì thể hiện bằng ký hiệu tượng trưng là hình chấm tròn có đường kính là 2 mm và theo màu của loại đất cần thể hiện. Riêng đối với các đảo có diện tích nhỏ hơn quy định trên đây thì vẫn phải được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo ghi chú tên đảo (nếu có) mà không thực hiện tổng quát hóa;

- Đối với đường biên giới, địa giới đơn vị hành chính phải được biên tập bảo đảm yêu cầu nhận biết đối tượng khi in trên giấy; trường hợp đường địa giới các cấp trùng với đối tượng hình tuyến một nét thì đường địa giới cần được thể hiện so le hai bên và cách đường đối tượng hình tuyến 0,2 mm trên bản đồ.

- Các yếu tố hình tuyến (sông, suối, kênh mương...) có chiều dài dưới 2 cm trên bản đồ thì được phép loại bỏ; yếu tố hình tuyến có độ rộng dưới 0,5 mm trên bản đồ được biên tập thành 1 nét theo tâm của yếu tố hình tuyến đó.

+ Trường hợp đường sắt và đường ô tô đi sát nhau thì cho phép dịch chuyển vị trí đường ô tô để đảm bảo giữ vị trí đúng cho đường sắt.

+ Các yếu tố hình tuyến khi tổng hợp phải xem xét giữ được tính chất đặc trưng của đối tượng để đảm bảo phản ánh đúng mật độ, kiểu phân bố, đặc điểm sử dụng; đối với sông suối phải giữ vị trí đầu nguồn, các dòng chảy đặc biệt.

- Các đối tượng địa lý khác, ghi chú địa danh, tên riêng, thuyết minh tiến hành lựa chọn, cập nhật hoặc loại bỏ đảm bảo phù hợp về mật độ thông tin, khả năng đọc và tính mỹ quan của bản đồ.

- Khung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Xã Đa Quyn được biên tập theo tỷ lệ 1:10.000 (với tổng diện tích tự nhiên của xã là: 17002.364309 ha), biểu thị lưới kilômét, với kích thước ô vuông lưới kilômét là 10cm x 10cm.

- Các đối tượng dạng đường phải thể hiện liên tục, không đứt đoạn và chỉ được dừng tại các điểm nút giao nhau giữa các đường thể hiện các đối tượng cùng kiểu;

- Những đối tượng dạng vùng phải thể hiện là các vùng khép kín;

- Các đối tượng dạng điểm phải thể hiện bằng các ký hiệu dạng điểm trong các bộ ký hiệu đã được thiết kế sẵn;

- Các đối tượng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải thể hiện đúng lớp, màu sắc, lực nét và các thông số kèm theo như quy định tại bảng phân lớp đối tượng tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT. Mỗi khoanh đất phải có một mã loại đất, khi biên tập lược bỏ để in không được xóa mà phải chuyển về lớp riêng để lưu trữ.

2.4. Xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất

Nội dung báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất gồm:

- Căn cứ pháp lý, mục đích, yêu cầu của việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Khái quát về vị trí địa lý của đơn vị hành chính.
- Thời điểm xây dựng và hoàn thành việc lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Các nguồn tài liệu sử dụng và phương pháp, công nghệ lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Xác định khu vực đã đo đạc bản đồ địa chính chính quy.
- Đánh giá chất lượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất về mức độ đầy đủ, chi tiết và độ chính xác của các yếu tố nội dung.
- Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế của bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Kết luận, kiến nghị biện pháp khắc phục hạn chế, tồn tại.

V. Xác định khu vực đã đo đạc bản đồ địa chính chính quy

1. Khu vực đã đo đạc chính quy

- Đối với nhóm đất dân cư và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã đã đo đạc thành lập các bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, 1/2000

2. Phạm vi

Toàn bộ diện tích đất khu dân cư và đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã được đo đạc thành lập các bản đồ địa và được cập nhật, chỉnh lý thường xuyên.

VI. Đánh giá chất lượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024

1. Khối lượng công việc thực hiện

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của Xã Đa Quyn đã được thể hiện đầy đủ tổng diện tích tự nhiên trong ranh giới hành chính của Xã Đa Quyn là 17002.364309 **ha**. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thành lập ở tỷ lệ **1:10.000** đúng theo quy định, bao gồm các nội dung sau:

a) Nhóm lớp cơ sở toán học và các nội dung liên quan

Bao gồm các yếu tố: Lưới kilômét, lưới kinh vĩ tuyến, tỷ lệ bản đồ, khung bản đồ, chú dẫn, biểu đồ cơ cấu sử dụng đất, trình bày ngoài khung và các nội dung khác có liên quan.

b) Nhóm lớp hiện trạng sử dụng đất

Bao gồm ranh giới khoanh đất tổng hợp và ký hiệu loại đất: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của Xã Đa Quyn được tổng hợp, khái quát hóa nội dung của bản đồ kiểm kê đất đai 2024 với tổng diện tích tự nhiên 17002.364309 ha và 28 loại đất chi tiết. Cụ thể các loại đất như sau:

Bảng 01: Loại đất trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích		17002.36 4309	100,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	15570.27 5236	91.577 118059
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	1449.632 439	8.5260 63862
1.1	Đất trồng lúa	LUA	421.9880 65	2.4819 37555
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	99.42036 9	0.5847 44376
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	322.5676 96	1.8971 93179
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1027.644 374	6.0441 26307
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2369.809 139	13.938 115288
3	Đất lâm nghiệp	LNP	11730.46 906	68.993 163814
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	0.00	0.00
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	7181.958 364	42.240 939163
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	4548.510 696	26.752 224651
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	3260.390 263	19.176 099299
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20.36459 8	0.1197 75095

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	0.00	0.00
6	Đất làm muối	LMU	0.00	0.00
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0.00	0.00
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	356.0552 88	2.0941 51622
1	Đất ở	OTC	43.95980 6	0.2585 51136
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	43.95980 6	0.2585 51136
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0.00	0.00
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.724742	0.00
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0.297873	0.00
3.1	Đất quốc phòng	CQP	0.00	0.00
3.2	Đất an ninh	CAN	0.297873	0.00
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	6.036699	0.0355 05056
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1.280337	0.0075 30347
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0.00	0.00
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0.220432	0.00
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3.129768	0.0184 0784
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1.192718	0.0070 15013
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0.00	0.00
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0.00	0.00
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	0.00	0.00
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0.00	0.00
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0.213444	0.00
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	15.97296	0.0939

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
			7	45564
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	0.00	0.00
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	0.00	0.00
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0.00	0.00
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0.00	0.00
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0.143503	0.00
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3.002141	0.0176 57197
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	12.82732 3	0.0754 44349
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	71.65740 5	0.4214 55532
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	55.80696	0.3282 30586
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	15.82299 9	0.00
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0.00	0.00
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	0.00	0.00
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0.00	0.00
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0.00	0.00
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0.00	0.00
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0.027446	0.00
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0.00	0.00
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0.00	0.00
7	Đất tôn giáo	TON	0.349783	0.00
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0.00	0.00
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	4.767025	0.0280 37424
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	212.2889	1.2485

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
			88	85103
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	2.942035	0.0173 03682
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	209.3469 53	1.2312 81422
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0.00	0.00
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	1076.03 3785	6.328 730319
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	0.00	0.00
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	392.756 144	2.310 00899
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	683.277 641	4.018 721329
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	0.00	0.00
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	0.00	0.00

c) Các nhóm lớp thuộc dữ liệu nền địa lý

- Nhóm lớp địa giới: Địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.
- Nhóm lớp địa hình: Không có.
- Nhóm lớp thủy hệ và các đối tượng liên quan: Thể hiện hệ thống sông, kênh mương thủy lợi, ao, hồ, ... ở trên địa bàn xã.
- Nhóm lớp giao thông và các đối tượng liên quan: Thể hiện các tuyến đường liên xã, đường xã, đường liên thôn, đường thôn, đường ngõ xóm, đường nội đồng.
- Nhóm lớp đối tượng kinh tế - xã hội: Thể hiện các địa danh, trụ sở cơ quan, hệ thống đình, chùa, trường học, ...

d) Các ghi chú, thuyết minh

Thể hiện tên các địa danh, xứ đồng và các khu dân cư, ...

đ) Nhóm lớp ranh giới và số thứ tự các khoanh đất của bản đồ kiểm kê đất đai

Nhóm lớp này được in bên dưới lớp ranh giới khoanh đất tổng hợp của bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

2. Đánh giá chất lượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 về mức độ đầy đủ, chi tiết và độ chính xác của các yếu tố nội dung

Mức độ đầy đủ, chi tiết và độ chính xác của các yếu tố nội dung: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của Xã Đa Quyn được xây dựng trên cơ sở các tài liệu bản đồ, số liệu đã có và điều tra thực địa bổ sung, hiệu chỉnh biến động sử dụng đất từ năm 2019 đến năm 2024 cho từng loại đất theo mục đích và đối tượng sử dụng, quản lý đã đảm bảo độ tin cậy và thể hiện đúng hiện trạng ranh giới các khoanh đất theo mục đích sử dụng và ranh giới theo thực trạng bề mặt đến thời điểm 31/12/2024. Tất cả các loại hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn xã, xã đã được thể hiện cụ thể, rõ ràng và chính xác trên bản đồ. Số liệu các loại đất trong các bảng biểu phù hợp với thể hiện trên bản đồ (đo, tổng hợp diện tích từ bản đồ). Các ký hiệu, màu sắc được thể hiện trên bản đồ theo quy phạm do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

VII. Những tồn tại, hạn chế của bản đồ hiện trạng sử dụng đất

- Việc chỉnh lý biến động trên hồ sơ địa chính chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời. Do đó trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất một số khu vực chưa phản ánh toàn bộ hiện trạng sử dụng đất.

- Theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT, bản đồ hiện trạng sử dụng đất cần phải tổng quát hóa trên cơ sở bản đồ kiểm kê đất đai, do đó một số loại đất phi nông nghiệp có diện tích nhỏ không được thể hiện.

VIII. Kết luận và kiến nghị biện pháp khắc phục hạn chế, tồn tại

1. Kết luận

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 đã thể hiện đầy đủ vị trí, hình thể của từng khoanh đất, loại đất lên trên bản đồ.

Kiểm kê đất đai năm 2024 có những đổi mới về phương pháp, công nghệ thực hiện so với năm 2019 với nhiều nội dung thực hiện phức tạp, yêu cầu trình độ chuyên môn và tiến độ hoàn thành nhanh. Do vậy, Ủy ban nhân dân Xã Đa Quyn đã phối hợp với đơn vị tư vấn có đủ năng lực về chuyên môn, công nghệ,... để thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024. Từ đó, bản đồ hiện trạng sử dụng năm 2024 của Xã Đa Quyn được đảm bảo độ tin cậy và đảm bảo các yêu cầu tích hợp xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện.

2. Kiến nghị biện pháp khắc phục hạn chế, tồn tại

Đề nghị các cấp chính quyền quan tâm về việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai chính phân quyền cho cấp xã để thuận lợi cho việc cập nhật, chỉnh lý biến động theo thời gian thực.

Đề nghị cơ quan quản lý đất đai của xã mới sau 01/07/2025 khi tổng hợp bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã mới trên cơ sở bản đồ hiện trạng sử dụng đất các xã cũ, cần thể hiện ranh giới khoanh đất hoặc ký hiệu đối với các khoanh đất phi nông nghiệp có diện tích nhỏ thuộc trường hợp cần tổng quát hóa.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ địa chính cấp xã trong việc nắm vững chính sách, pháp luật về đất đai và áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đất đai ở địa phương.

UBND Xã Đa Quyn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy – HĐND xã;
- CT, PCT. UBND xã;
- Lưu: VT, ĐC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương